TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20-7-2018
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Hồng**

2. Ông **Trần Công Thành**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên toà: Bà **Lữ Ngọc Minh Châu** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 418/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2017 về "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Kim T** – sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã Đ, huyện H, tỉnh L.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Quốc D** – sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 5 năm 2017 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà nguyên đơn chị Trần Thị Kim T trình bày:***

Hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Quốc D do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên đồng ý có tổ chức lễ cưới vào tháng 12 năm 2014,

có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh L vào ngày 09 tháng 01 năm 2015. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình cha mẹ ruột tại ấp Q, xã Đ, huyện H, tỉnh L. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh D không lo làm ăn không lo cho vợ con nên vợ chồng thường hay cãi vã mất hạnh phúc. Chị và anh D không còn sống chung từ tháng 2 năm 2017 đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Quốc D.

- *Về con chung:* Có 01 người con chung tên Nguyễn Trần Thuý V, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2015 hiện đang sống với chị T. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu V không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả:* không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

**** Đối với bị đơn anh Nguyễn Quốc D:***

Anh Nguyễn Quốc D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã H, huyện V, tỉnh L nhưng hiện anh D không có mặt tại địa phương, đi không trình báo với chính quyền địa phương. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh D cố tình không hợp tác.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 16 tháng 5 năm 2017, giấy chứng minh nhân dân bản sao, sổ hộ khẩu bản sao, giấy chứng nhận kết hôn bản gốc, đơn xin xác nhận đăng ký hộ khẩu thường trú của bị đơn Nguyễn Quốc D, giấy khai sinh bản sao.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc D không đến tham gia tố tụng tại tòa án nên anh D không nộp tài liệu, chứng cứ nào.

Vào ngày 06 tháng 6 năm 2018 Tòa án đã tiến hành xác minh ông Nguyễn Ngọc D là cha ruột của anh Nguyễn Quốc D, theo ông D trình bày thì anh D có biết việc chị T yêu cầu ly hôn với anh nhưng anh bận công việc không về được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm: vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, từ khi thụ lý đến phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự thủ tục.

Hướng giải quyết vụ án: áp dụng Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Quốc D.

- Về con chung: giao con chung tên Nguyễn Trần Thuý V, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2015 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh Nguyễn Quốc D cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Các khoản nợ phải thu, phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình: Buộc chị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng từ khi thụ lý vụ án đến khi vụ án được đưa ra xét xử anh Nguyễn Quốc D cố tình vắng mặt không lý do, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, anh D biết chị T yêu cầu ly hôn với anh tại Tòa án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Mối quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Kim T và anh Nguyễn Quốc D là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị do tự tìm hiểu quen biết có tổ chức lễ cưới vào tháng 12 năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh vĩnh Long vào ngày 09 tháng 01 năm 2015. Theo lời trình bày của chị T thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh D không lo làm ăn không lo cho vợ con nên vợ chồng thường hay cãi vã mất hạnh phúc, hiện nay anh chị không còn sống chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T yêu cầu ly hôn với anh D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trần Thuý V, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2015 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Chi T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

[4] Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Các khoản nợ phải thu, phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Trần Thị Kim T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

* **Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Kim T.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Quốc D.

[2] Con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Thuý V, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2015 cho chị T nuôi dưỡng. Chị Trần Thị Kim T không yêu cầu anh Nguyễn Quốc D cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Quốc D có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Tài sản chung: Chị Trần Thị Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Nợ chung phải thu, phải trả: Chị Trần Thị Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Trần Thị Kim T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^0 0008005 ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Huỳnh Văn Vui